

TRUYỆN KỂ KHMER TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG KHMER CẤP TIỂU HỌC VÀ MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TRUYỆN KỂ CHO HỌC SINH

Bùi Thị Luyện

Trường Đại học Trà Vinh
Email: btluyen@tvu.edu.vn

Article history

Received: 29/01/2022

Accepted: 25/02/2022

Published: 05/4/2022

Keywords

Khmer language, Khmer Stories, Khmer Textbook, Primary School

ABSTRACT

Khmer stories account for a significant proportion of the Khmer language program at the primary level. Given the current scarcity of teaching materials, it is absolutely essential to assess the role of Khmer stories in the Khmer language program as well as to propose and develop teaching models to promote learners' engagement and competences. This study identifies the status of Khmer stories in the current primary school Khmer language education program and also proposes some models of teaching Khmer stories in the direction of enhancing students' communication competences. These models have been transferred through the process of piloting in the provinces of Tra Vinh, Soc Trang, Kien Giang, and Ca Mau, initially showing quite positive results. Based on the findings, the researchers recommend using the proposed teaching methods for Khmer stories to teach other narrative works in middle and high school, as well as in other forms of education, particularly for self-study instructions.

1. Mở đầu

Truyện dân gian (TDG) Khmer là một bộ phận hợp thành quan trọng của văn học dân gian (VHDG) Khmer. Cùng với thơ ca dân gian, TDG Khmer phản ánh lịch sử cuộc sống của những cư dân Khmer Nam Bộ từ thuở xa xưa, đồng thời gửi gắm những ước mơ, những bài học giáo dục mang tính nhân văn sâu sắc. Vì thế, việc nghiên cứu TDG Khmer trong sách giáo khoa (SGK) Tiếng Khmer cấp tiểu học (TH) hiện hành không chỉ có giá trị trong nghiên cứu VHDG Khmer mà còn có giá trị trong nghiên cứu giáo dục học, nhằm hướng tới phát triển năng lực và phẩm chất cho người học. Mặt khác, hiện nay, trên lộ trình đổi mới chương trình dạy và học theo hướng phát triển năng lực người học, các môn học *Tiếng dân tộc thiểu số* nói chung, môn *Tiếng Khmer* nói riêng còn hiếm nguồn tài liệu dạy học. Việc đề xuất các mô hình dạy học TDG Khmer (vốn chiếm một tỉ lệ khá lớn trong chương trình Tiếng Khmer cấp TH hiện hành) có ý nghĩa thiết thực và cấp bách đối với GV dạy tiếng Khmer.

Bài báo khái quát về TDG Khmer; khảo sát truyện kể Khmer trong SGK Tiếng Khmer cấp TH hiện hành và đề xuất một số mô hình dạy học truyện kể Khmer theo hướng phát triển năng lực người học.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về truyện dân gian Khmer

VTDG Khmer (កំណាសកថាប្រជារប្រិយខ្មែរ) có thể hiểu đơn giản từ ngôn từ là những mẫu chuyện được người dân yêu thích và kể lại (trong đó កំណាស nghĩa là kể lại, កថា nghĩa là truyện, ប្រជារ nghĩa là người dân, ប្រិយ nghĩa là yêu quý).

Hiện nay, vẫn còn nhiều cách phân loại TDG Khmer, có tác giả phân chia thể loại theo cách hiểu dân gian, có tác giả dựa theo cách phân chia phổ biến của văn học Việt Nam nói riêng và thể giới nói chung. Cụ thể:

Theo Châu Ôn (1988), “*Có hai thể loại truyện kể bằng văn xuôi[...] rương bôran, thần thoại, không bao gồm Phật thoại; và rương prêng, cổ tích. Điều đáng lưu ý là rương prêng [...] không chỉ gồm có những tích truyện về thân phận con người trong cuộc sống hàng ngày, với những nhân vật thường là thú vật (con thỏ, con gà, con cọp,...) mà người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long còn xếp vào rương prêng cả những tích truyện về đức Phật, hay có liên quan đến đạo Phật, ít nhiều mang ý nghĩa hoằng giáo*” (tr 175). Tác giả Huỳnh Ngọc Trảng (2002) cũng đã đưa ra cách phân loại TDG Khmer như sau: “*Người Khmer thường gọi chung kho tàng truyện dân gian của mình với nhiều tên gọi khác nhau: Rương bô-ran (truyện cổ), Rương ni-tiên (truyện kể) và Rương bi-đom (truyện đời xưa). Song trong thực tế các loại truyện dân gian Khmer: Thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn và truyện cười*” (tr

3) và TDG được phân biệt rạch ròi bằng những thuật ngữ khác nhau, bao gồm 4 nhóm thể loại chính: truyện thần thoại (rương a-sti-tiếp), TDG có tính chất thần kì (rương pò-rêng), truyện ngụ ngôn - bài học ở đời (rương ca-tê-lok) và truyện cười (truyện trào phúng - rương kòm-phơ-leng và truyện khôi hài rương- rao sob-bai). Trong phần giới thuyết về thể loại văn học dân gian Khmer Nam Bộ, Phạm Tiết Khánh (2014, tr 20) dẫn lại quan niệm của Huỳnh Ngọc Trảng và khẳng định cách vận dụng khái niệm thể loại của mình như sau: “... Cũng như văn học dân gian các dân tộc khác, văn học dân gian Khơ-me có tính tương đồng loại hình cao, do đó, trong luận án này, chúng tôi sẽ sử dụng các thuật ngữ quen thuộc về thể loại văn học dân gian mà các nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam đã thống nhất” (2007, tr 35) và “*Truyện kể dân gian Khmer Nam Bộ bao gồm các thể loại như: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn và truyện cười. Mỗi thể loại có đặc trưng riêng, phản ánh nội dung và thi pháp vừa mang tính chất pha lẫn vừa có tính chất đặc thù*”. Nguyễn Thị Kiều Tiên (2012) chia VHDG Khmer có hai khối chính: văn vắn và văn xuôi, bao gồm các thể loại: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, dân ca. Như vậy, theo tác giả, thể loại văn xuôi của VHDG Khmer gồm có thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện ngụ ngôn và truyện cười. Cách phân loại này có sự kế thừa từ tác giả Châu Ôn, tương tự như tác giả Huỳnh Ngọc Trảng (1983) và Phạm Tiết Khánh (2014) đã nêu ở trên.

Theo cách phân chia thể loại phổ biến hiện nay ở Campuchia, truyện dân gian Khmer bao gồm 3 mảng lớn: thần thoại, cổ tích và truyện kể dân gian. Riêng mảng truyện kể dân gian bao gồm các thể loại nhỏ hơn như: truyện kể về loài vật, truyện kể thể tục, truyện kể thần kì, truyện cười và truyện ngụ ngôn. Theo sự phân chia của tác giả Huỳnh Thanh Quang (2011) thì TDG Khmer gồm có các thể loại thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn và truyện cười (tr 51). Ngoài ra, tác giả cũng tóm tắt giá trị của kho tàng TDG Khmer như sau: “*Nếu truyện thần thoại và truyền thuyết tập trung phản ánh quá trình chinh phục Đồng bằng Sông Cửu Long, thì truyện cổ tích lại tập trung phản ánh đời sống xã hội của người Khmer vùng đồng bằng Sông Cửu Long.... Ở khía cạnh khác, cũng là đề tài phản ánh đời sống xã hội, nhưng truyện ngụ ngôn và truyện cười lại phản ánh tinh thần đấu tranh vì công lí, những triết lí được lấy làm phương châm cho cuộc sống*” (tr 53). Tác giả Huỳnh Vũ Lam từng tiến hành một nghiên cứu so sánh các cách phân loại TDG Khmer năm 2014, vì “*Việc nghiên cứu thể loại trong TDG Khmer Nam Bộ trong thời gian vừa qua có một số rập khuôn theo quan niệm thể loại của người Việt. Tình trạng ấy làm cho việc hiểu tác phẩm văn học dân gian không phù hợp với bối cảnh văn hóa tộc người. Để khắc phục, cần phải đặt các khái niệm thể loại trong sự tham chiếu với cách suy nghĩ và sự phê chuẩn của cộng đồng dân gian dưới góc nhìn bối cảnh*”. Tác giả đặt ra 3 vấn đề cho việc nghiên cứu VHDG Khmer, bao gồm: - Nội hàm và tên gọi của một thể loại VHDG người Khmer vừa có chỗ tương đồng vừa có điểm khác biệt so với người Việt và trên thế giới. Do đó, khi phân tích, cần phải dựa vào cách nghĩ của quần chúng để xác lập các tiêu chí thể loại sao cho sát hợp với thực tiễn đời sống; - Đặc điểm cũng như tên gọi của một thể loại VHDG không phải bất biến mà có tính linh động, chịu sự “phê chuẩn” của một cộng đồng người. Nó vừa có tính lịch đại (thay đổi theo thời gian) vừa có tính phân hóa theo không gian sống của mỗi tộc người; - Khuynh hướng giản lược hóa hướng đến tính tổng hợp các thể loại trên nền tảng tư tưởng Phật giáo, làm cho hệ thống thể loại TDG Khmer có tính chất “tích hợp tương cận” (gom các thể loại/ tiểu loại có đặc điểm gần nhau vào thành một thể loại lớn, lấy đề tài làm cơ sở phân chia).

Qua việc nghiên cứu, khảo sát các cách phân loại TDG Khmer của các tác giả đi trước, chúng tôi có thêm cơ sở để phân tích, so sánh đối chiếu đặc trưng thể loại của các tác phẩm truyện kể trong SGK Tiếng Khmer cấp TH, cũng như lí giải được những chỗ hổng trong việc phân chia thể loại. Tuy nhiên, trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi không dựa vào những đặc điểm đó để dạy học cho HS TH mà chỉ để góp phần định hướng những giá trị mà kho tàng truyện kể Khmer mang lại cho đối tượng tiếp nhận, mở ra các hướng tư duy mới cho HS trên con đường tiếp cận tác phẩm VHDG. Trên thực tế, đối với HS TH, việc phân chia tác phẩm TDG theo đặc trưng thể loại chưa phải là yêu cầu cấp thiết, thế nhưng việc ứng dụng các nghiên cứu về giá trị của chúng vào công tác giáo dục ngôn ngữ và giáo dục phẩm chất lại rất quan trọng.

2.2. Khảo sát truyện kể Khmer trong sách giáo khoa Tiếng Khmer cấp tiểu học hiện hành

2.2.1. Khái quát về sách giáo khoa Tiếng Khmer cấp tiểu học hiện hành

Chương trình dạy và học môn Tiếng Khmer hiện hành có 02 cấp học và chia ra 7 năm học. Cấp TH có 04 năm học và cấp THCS có 03 năm học. Đối với cấp TH, mỗi tuần học 4 tiết, mỗi năm học có 35 tuần, tổng cộng là 140 tiết cho mỗi năm học. Nội dung chương trình chi tiết từng quyển như sau:

- SGK Tiếng Khmer quyển 1 gồm 73 bài học văn, 18 bài ôn tập, chưa có các truyện kể (do HS vừa mới làm quen với chữ viết). Các truyện kể Khmer xuất hiện ở học kì II của quyển 2, xuyên suốt quyển 3 và giảm dần ở quyển 4.

- Trong SGK Tiếng Khmer quyển 2, ngoài các bài Học văn, Tập đọc (TĐ), Chính tả, Tập viết; từ học kì II, mỗi chủ điểm sẽ có sự có mặt của phân môn Kể chuyện (KC) với 8 câu chuyện kể về loài vật. Tất cả các câu chuyện đều được tuyển chọn, có nội dung đơn giản, dễ hiểu, có giá trị thẩm mỹ và mang ý nghĩa giáo dục phù hợp với lứa tuổi HS. Ba chủ điểm của giai đoạn 3 trong quyển 2 gồm *Nhà trường*, *Gia đình* và *Thiên nhiên đất nước*.

- SGK Tiếng Khmer quyển 3 gồm 8 chủ điểm học trong 29 tuần, bao gồm: *Tuổi thơ*, *Trường học*, *Gia đình đầm ấm*, *Cộng đồng*, *Thiên nhiên*, *Lễ hội*, *Anh em một nhà*, *Bảo vệ Tổ quốc*. Trong đó có 58 bài TĐ, 29 bài Chính tả (tập chép và nghe - viết), KC và Tập làm văn (TLV) bố trí xen kẽ nhau, tổng cộng có 29 bài. KC ở quyển 3 chủ yếu là KC theo tranh, nhưng trước tiết KC sẽ có 1 tiết TĐ, nội dung TĐ là truyện kể sẽ được kể trong tiết KC liền kề. Nội dung KC ở quyển 3 vẫn mang giá trị thẩm mỹ và giáo dục phù hợp lứa tuổi HS nhưng nội dung và thể loại nâng cao hơn, ngoài truyện kể về loài vật còn có cả truyện kể thể tục và truyện ngụ ngôn. Tổng cộng có đến 10 truyện kể Khmer và 04 truyện kể các dân tộc khác, trong đó có truyện kể dân tộc Mường.

- SGK Tiếng Khmer quyển 4 gồm 8 chủ điểm học trong 29 tuần, bao gồm: *Bác Hồ*, *Hòa bình*, *Đất nước*, *Chung sức*, *Quê hương*, *Lòng nhân ái*, *Nhớ ơn* và *Người tốt, việc tốt*. Các phân môn khá đầy đủ, bao gồm: TĐ, Chính tả, Luyện từ và câu, KC (rèn kĩ năng nghe - nhớ - kể và KC theo tranh), TLV. Trong sách này, số lượng truyện kể Khmer giảm đi, nhưng nội dung và chủ đề phức tạp hơn, có sự góp mặt của truyện kể về loài vật, truyện thần kì, truyện kể thể tục và truyện ngụ ngôn. Mỗi câu chuyện được kể đều có liên quan đến các chủ điểm học tập và có tác dụng rất lớn trong việc mở rộng vốn hiểu biết về cuộc sống, con người, nhất là bồi dưỡng tình cảm và nhân cách cho HS.

2.2.2. Khảo sát các truyện kể Khmer trong SGK Tiếng Khmer cấp tiểu học hiện hành

Như đã trình bày, chương trình SGK Tiếng Khmer cấp TH hiện hành có sự xuất hiện chọn lọc của hầu hết các thể loại TDG Khmer, bao gồm truyện kể về loài vật (chiếm 100% số lượng truyện kể của quyển 2), truyện kể thể tục, truyện ngụ ngôn và truyện có yếu tố thần kì. Ngoài các TDG Khmer, SGK Tiếng Khmer quyển 3 và 4 còn đưa vào các TDG của các dân tộc khác mà đã trở nên thân thuộc với trẻ em Khmer trong quá trình cộng cư. Để thuận tiện cho việc nghiên cứu, khảo sát, chúng tôi thống kê các truyện kể Khmer trong SGK Tiếng Khmer cấp TH hiện hành với các thông tin chi tiết thể hiện trong bảng sau:

Bảng thống kê các truyện kể Khmer trong chương trình sách giáo khoa Tiếng Khmer cấp TH hiện hành (các truyện có đánh dấu () có đề tài và nội dung gần gũi với truyện cổ tích của các dân tộc khác)*

STT	Tên truyện	Tên gọi khác/ Xuất xứ	Phân môn	Trang	Phân loại
Quyển 2					
<i>Truyện kể Khmer</i>					
	អណ្តើកនិងកណ្តុរ		KC	52	Truyện kể về loài vật/ ngụ ngôn
	សត្វកេរិវនិងឆ្កែចចកកញ្ចស់	រឿងសត្វកេរិវចែកផ្លូវគ្នារកអាហារ		63	
	រឿងបងប្អូនក្អែក			69	
	ក្អែកគោកគ្រាប់តាមក្អែកនឹក			75	
	ខ្លានិងកណ្តុរ			81	
	កញ្ជ្រោងនិងមាន់	រឿងល្បិចសត្វកញ្ជ្រោង		87	
	បង្កានិងកង្កែប		93		
<i>Truyện kể các dân tộc khác</i>					
	កុំយកស្រមោលចោលចំណី	Thả mồi bắt bóng	KC	57	Truyện ngụ ngôn (nguồn gốc: ngụ ngôn Aesop)

Quyển 3					
Truyện kể Khmer					
	ទន្សាយនិងអណ្តើក (*)	Thỏ và Rùa/ Rùa và Thỏ	TĐ+KC	6, 7, 8	Truyện kể về loài vật/ ngụ ngôn (nguồn gốc: ngụ ngôn LaFontaine)
	ច្រមុះនិងភ្នែក (*)		TĐ	9	Truyện ngụ ngôn
	ជំរិនស្រមោច (*)	Voi và Kiến	TĐ+KC	15, 16, 17	Truyện kể về loài vật/ ngụ ngôn
	ពន្លឺអំពិលអំពែក (*)		TĐ+KC	25, 26, 27	Truyện kể thế sự
	ធនញ្ជីយ (*)		TĐ+KC	35, 36, 37	Truyện kể thế sự (về nhân vật thông minh)
	បងប្អូនពីនាក់		TĐ+KC	47, 48, 49	Truyện kể thế sự
	កូនកកញ		TĐ+KC	55, 56, 57	Truyện kể thế sự
	អាជ័យចាក់ស្កុក(*)		TĐ+KC	65, 66, 67	Truyện kể thế sự
	លោកមែងវិនាស		TĐ+KC	82, 83, 84	Truyện ngụ ngôn
	កង្កែបសាមគ្គី		TĐ+KC	91, 92, 93	Truyện kể về loài vật/ ngụ ngôn
Truyện kể các dân tộc khác					
	រឿងចង្កឹះមួយបាច់	Truyện kể Việt Nam	TĐ+KC	57,58,59	Truyện kể thế sự
	ប្រវត្តិផ្ទះរក	Truyện kể DT Mường	TĐ+CT	68,69	Truyện kể thế sự
	នេះផ្ទះអ្នកស្រុក	Truyện kể dân gian	TĐ+KC	74,75,76	Truyện kể thế sự
	ផ្លែឃ្លោកម្តាយ	Truyện kể dân gian	TĐ+KC	122,123	Truyện kể thần kì
Quyển 4					
Truyện kể Khmer					
	នរណាភ្នំអោយសរសើរជាងគេ (*)		KC	23, 31	Truyện kể về loài vật/ ngụ ngôn
	ប្រវត្តិគូស្រុះស្រី		KC	42, 50	Truyện thuyết địa danh (về nguồn gốc địa danh)
Truyện kể các dân tộc khác					
	ដើមពុទ្ធាទិព្វ	Cây táo thần	KC	59,66	Truyện kể thần kì
	ស្រូវភោជ្ជសាលី	Sự tích cây lúa	KC	77, 84	Truyện kể thần kì
	មាណពស្លកក្រុង	Chiếc rìu vàng/ Ba lưỡi rìu	KC	92, 99, 100	Truyện kể thần kì
	នេះប្រាជ្ញារបស់យើង	Trí khôn của ta đây	KC	109,118	Truyện ngụ ngôn

2.3. Giá trị của truyện kể Khmer trong chương trình sách giáo khoa Tiếng Khmer cấp tiểu học

Việc lựa chọn, sắp xếp các truyện kể Khmer vào chương trình SGK Tiếng Khmer cấp TH không phải là một sáng kiến mới. Việc này đã được thực hiện trong các bộ SGK TH của Việt Nam nói riêng, các nước khác trên thế giới nói chung; hiệu quả thiết thực mà nó mang lại cũng đã được kiểm chứng. Đó không chỉ là giá trị về mặt văn hoá - văn học và còn là giá trị về mặt giáo dục. Cụ thể:

2.3.1. Giá trị văn hoá - văn học

So với các dân tộc anh em hiện đang cùng cộng cư trên vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, người Khmer là những cư dân xuất hiện sớm nhất và cũng có một nền VHDG đa dạng, phong phú, mang đậm nét văn hóa dân tộc. Mặc dù bên dưới các mẫu chuyện, các nhà biên soạn sách đều ghi chú là truyện kể Khmer nhưng nếu xét về tiêu chí phân loại thì vẫn còn nhập nhằng. Chẳng hạn: đó là những mẫu chuyện về con vật (truyện kể về loài vật nếu xét theo tiêu chí nhân vật là loài vật) nhưng lại là những mẫu chuyện có ý nghĩa tự răn mình cho người đọc (truyện ngụ ngôn nếu xét theo tiêu chí bài học giáo dục ẩn chứa đằng sau câu chuyện, để độc giả có thể rút ra bài học răn mình). Vậy nên giá trị văn hoá - văn học cơ bản nhất của những truyện kể này trong chương trình là mang đến cho HS TH những kiến thức cơ bản về văn hoá, phong tục, tập quán, tín ngưỡng Khmer cũng như nhận biết những đặc trưng cơ bản của VHDG như tính truyền miệng, tính đại chúng, tính dị bản và gắn với sinh hoạt của cộng đồng. Song song với đó, mỗi câu chuyện là một bài học làm người, trẻ sẽ tự rút ra những bài học răn mình qua câu chuyện của các con vật quen thuộc trong đời sống của người Khmer (mang tính chất của ngụ ngôn). Các em được nhắc nhở về lối tư duy, cách ứng xử của cha ông qua câu chuyện, và đó chính là nét đẹp văn hoá. Qua mỗi câu chuyện, chúng ta thấy được hình ảnh con người, cuộc sống Khmer Nam Bộ rõ nét hơn; hiểu hơn những biểu trưng con vật, ý nghĩa của các địa danh; ý nghĩa của các phong tục, tập quán, tín ngưỡng và lễ hội của đồng bào Khmer.

2.3.2. Giá trị giáo dục

Mỗi truyện kể dân gian Khmer đều hàm chứa những bài học giáo dục nhất định, uốn nắn mỗi đứa trẻ Khmer lớn lên giữ vững những phẩm cách tốt đẹp của người con Khmer, nhắc nhở cội nguồn, lịch sử sinh tồn, lịch sử tri nhận về thế giới khách quan. Ví như bài học về sự khiêm tốn qua câu chuyện *Con Rùa và Con Chuột* (អរណ្តើកនឹងកណ្តើរ); bài học về lòng tham qua câu chuyện *Thả mỗi bắt bóng* (កុំយកស្រូវមោលចោលចំណី), *Tham thì thâm* (លោភរមែងវិនាស); bài học về chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc khó khăn qua câu chuyện *Voi và Kiến* (ដំរីនិងស្រូវមោល) hay bài học về đoàn kết qua câu chuyện *Sức mạnh của đoàn kết* (កម្លាំងសាមគ្គី); bài học về sự siêng năng, chăm chỉ, tránh thói cầu thả, lười biếng qua câu chuyện *Rùa và Thỏ* (ទន្សាយនិងអរណ្តើក), *Anh em nhà quạ* (រឿងបងប្អូនក្អែក)... Chính những bài học hết sức nhân văn này là cơ sở để giáo dục tốt nhất cho HS TH. Qua mỗi câu chuyện, HS sẽ tự liên hệ với bản thân, tự nhận xét đúng sai và rút ra bài học cho chính mình (thông qua các câu hỏi gợi mở của GV với phương pháp dạy học giao tiếp). Đó chính là quá trình hình thành phẩm chất cho HS.

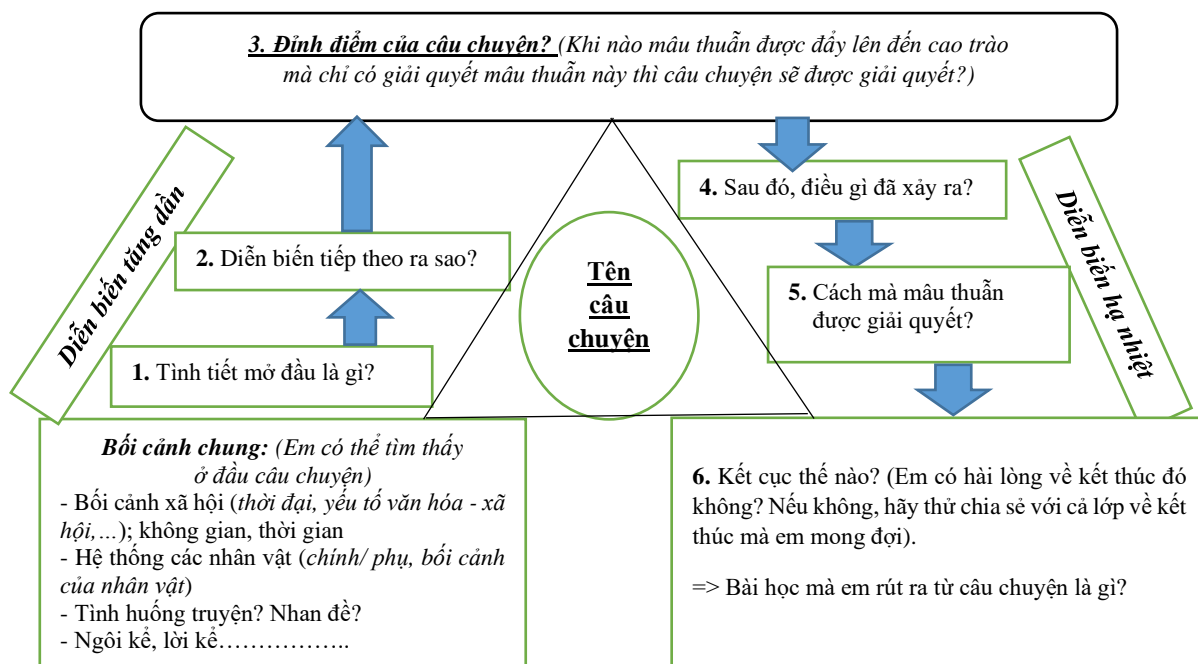
So với văn học viết, cho đến nay, đối với người Khmer Nam Bộ, VHDG luôn chiếm một vị trí quan trọng trong mọi sinh hoạt đời sống. HS Khmer sẽ học tiếng nói, chữ viết của dân tộc qua các sáng tác dân gian của chính cha ông mình. Ngoài việc giáo dục phẩm cách, mỗi câu chuyện được nói, viết, kể bằng tiếng Khmer lại cũng sẽ là kênh giáo dục ngôn ngữ thực tế nhất. Tiếng Khmer là tiếng nói của người Khmer. Ở Việt Nam, tiếng Khmer được sử dụng, tổ chức dạy và học nhiều nhất ở các tỉnh phía Nam, nơi tập trung đông đồng bào Khmer, vì vậy chúng ta thường gọi là tiếng Khmer Nam Bộ. Ở các tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống như Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Cà Mau... việc giáo dục ngôn ngữ Khmer trong nhà trường không chỉ là yêu cầu mà còn là nhu cầu thiết yếu của HS dân tộc. Theo từng giai đoạn của việc học chữ, các câu chuyện kể được tăng dần về mức độ khó của từ vựng, của kết cấu để giúp HS rèn cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc và viết với tiếng Khmer. Do đó, để việc dạy học TDG Khmer mang lại hiệu quả cao nhất, GV cần có những mô hình dạy học hiệu quả, tăng tính ích dụng của nguồn ngữ liệu này.

2.4. Đề xuất vận dụng một số kĩ thuật dạy học truyện kể Khmer theo hướng phát triển năng lực

Căn cứ những nội dung đã phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất GV có thể tổ chức dạy học các văn bản thuộc thể loại truyện kể Khmer nhằm kích thích động cơ học tập, từ đó góp phần phát triển các năng lực cho HS thông qua một số kĩ thuật dạy học cụ thể sau đây:

2.4.1. Kĩ thuật trình bày cốt truyện kết hợp phiếu học tập và câu hỏi gợi dẫn

So đồ cốt truyện (Plot diagram) vốn đã được sử dụng phổ biến trên thế giới để dạy học các văn bản truyện. Khi áp dụng vào dạy học truyện kể Khmer cho HS trong chương trình TH, chúng tôi đã có những thay đổi sao cho phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của HS Khmer. Mô hình của chúng tôi sẽ khá đơn giản, kết hợp với phiếu học tập và câu hỏi gợi dẫn cho HS làm quen dần với việc tự tiếp nhận tác phẩm truyện kể theo đặc trưng thể loại.



2.4.2. Tổ chức hoạt động dạy học theo các bước KWL (Đã biết - Tò mò - Khám phá)

Mô hình dạy học KWL được giới thiệu bởi Ogle (1986), sau này được áp dụng phổ biến trong dạy học trên phạm vi toàn thế giới. Để dạy học truyện kể Khmer (với cả hai hình thức đọc - kể và nghe - kể), chúng tôi đã có một số điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng người học và nội dung dạy học. Mô tả về các bước tiến hành như sau:

Đã biết (K)	Tò mò (W)	Khám phá (L)
Hãy nhìn tranh/ từ khóa và đoán xem hôm nay chúng ta sẽ học về chủ đề gì? Có những câu chuyện nào liên quan chủ đề này? Hãy kể tên một số câu chuyện về chủ đề này mà em biết.	GV khơi gợi trí tò mò bằng cách gọi ra vấn đề -> Gọi ý 1, 2, 3 => Em có muốn biết không? (GV dựa trên câu trả lời lí tưởng để gợi dẫn cho HS các nội dung liên quan đặc trưng thể loại, từ vựng, kiến thức văn hóa - xã hội, bài học giáo dục mà câu chuyện mang lại)	- Sau khi cùng tìm hiểu câu chuyện, em đã khám phá ra điều gì mà ban đầu em vẫn còn tò mò? - Hiện tại, em có nảy ra ý gì mới liên quan đến việc vận dụng câu chuyện này vào thực tế không?

2.4.3. Tương tác với truyện thông qua các phương tiện trực quan

- Sử dụng tranh ảnh sẵn có trong SGK/ tranh ảnh GV sưu tầm làm học liệu: GV có thể tự tạo học liệu bằng cách phóng to ảnh có trong SGK hoặc tự tìm các hình ảnh, video để làm thành nguồn học liệu dạy học. Muốn sử dụng hiệu quả nguồn học liệu này, GV phải có một kế hoạch dạy học cụ thể.

- Tự tạo học liệu bằng cách lồng tiếng vào các video hoạt hình ngắn: GV có thể tải về các video hoạt hình ngắn (nhớ ghi chú nguồn rõ ràng), thu âm nội dung câu chuyện trong SGK và sử dụng làm học liệu. Sau khi HS đã nghe và xem video, GV tắt âm thanh đi và phân công HS tự lồng tiếng vào.

Một sản phẩm lồng tiếng phim hoạt hình dùng để dạy học truyện kể của sinh viên Sư phạm Tiếng Khmer – Trường Đại học Trà Vinh		

- *Đóng vai nhân vật trong truyện*: Tùy vào tình hình cụ thể của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS đóng vai với các mức độ từ đơn giản đến phức tạp (đọc diễn cảm theo vai, sân khấu hóa, đặt mình vào vai trò của nhân vật để ứng xử,...).

2.4.4. Kỹ thuật trước, trong và sau khi đọc truyện/ nghe kể chuyện

Trong quá trình dạy học, GV sẽ tổ chức cho HS thực hiện các hoạt động như trong bảng mô tả sau:

Trước khi đọc/ nghe	Trong khi đọc/ nghe	Sau khi đọc/ nghe
Dự đoán thông tin (dựa trên nhan đề/ câu hỏi gợi ý của GV/ tranh ảnh minh họa)	- Tìm những tình tiết/ từ ngữ đáng chú ý. - Ghi chú cảm xúc cá nhân - Vẽ sơ đồ diễn biến truyện	Cảm nhận và suy ngẫm (viết ra những điều tâm đắc nhất và những điều còn băn khoăn/ chưa hài lòng)

3. Kết luận

Truyện kể Khmer là những câu chuyện bình dân, gần gũi nhưng có sức hấp dẫn lớn đối với mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, đặc biệt là với HS TH nên số lượng truyện kể trong SGK Tiếng Khmer cấp TH có nhiều. Bên cạnh đó, nếu kết hợp dạy tiếng Khmer qua truyện kể dân gian, HS TH không chỉ được thỏa mãn nhu cầu giải trí của mình mà còn được giáo dục về ngôn ngữ, các năng lực tổng hợp và nhất là về phẩm chất. Nhìn chung, dựa trên sở thích, nhu cầu của người học, các truyện kể dân gian trong chương trình SGK Tiếng Khmer cấp TH là những ngữ liệu dạy học phù hợp nhằm kích thích động cơ học tập của người học.

Về tổ chức các hoạt động dạy học cụ thể, các kỹ thuật dạy học truyện kể nói trên đã được chuyển giao cho giáo viên triển khai trong một số nhà trường ở các tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống và đã mang lại những tín hiệu khả quan, HS yêu thích tiết học hơn và cũng chủ động hơn trong các hoạt động học tập, từ đó năng lực ngôn ngữ cũng được cải thiện. GV đang giảng dạy chương trình Tiếng Khmer cấp TH và các cấp khác có thể lựa chọn sử dụng các kỹ thuật này để thiết kế kế hoạch dạy học truyện kể Khmer nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học. Đồng thời, các kỹ thuật này cũng có thể được áp dụng dưới dạng phiếu học tập có định hướng để HS có thể tự học.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2008). *SGK Tiếng Khmer (quyển 1-4)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Chu Xuân Diên (chủ biên, 2002). *Văn học dân gian Sóc Trăng*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chu Xuân Diên (chủ biên, 2011). *Văn học dân gian Bạc Liêu*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Huỳnh Ngọc Trảng (2002). *Truyện dân gian Khmer*. NXB Đồng Nai.
- Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Liệu, Văn Đình Hy (1983). *Truyện cổ Khmer Nam Bộ*. NXB Văn hóa.
- Huỳnh Thanh Quang (2011). *Giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Huỳnh Vũ Lam (2014). Thể loại truyện dân gian Khmer Nam Bộ - Góc nhìn “rập khuôn” và góc nhìn “phê chuẩn”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 55, 138-145.
- Nguyễn Ngọc Quang (chủ biên, 2016). *Văn học dân gian An Giang*. NXB Văn hóa Dân tộc.
- Nguyễn Thị Kiều Tiên (2012). *Tổng quan về văn học dân gian Khmer Nam Bộ*. *Tạp chí Đại học Sài Gòn*, 8, 192-195.
- Nguyễn Thị Kiều Tiên (2020). Khai thác tri thức bản địa của người Khmer ở Trà Vinh vào dạy học văn học dân gian Khmer. *Tạp chí Giáo dục*, 481, 24-28.
- Norton, D. E. (1992). Engaging Children in Literature: Understanding Plot Structures. *The Reading Teacher*, 46(3), 254-258.
- Ogle, D. M. (1986). KWL: A teaching model that develops active reading of expository text. *The reading teacher*, 39(6), 564-570.
- Phạm Tiết Khánh (2007). *Khảo sát truyện kể dân gian Kơ me Nam Bộ (qua thần thoại - truyền thuyết - cổ tích)*. Luận án tiến sĩ Ngữ văn. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Phạm Tiết Khánh (2014). Truyện kể dân gian - Chất liệu kiến tạo nên giá trị văn hoá qua lễ hội truyền thống của người Khmer Nam Bộ. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, 4, 19-27.
- Viện Văn hóa (1988). *Tìm hiểu vốn văn hóa Khmer Nam Bộ*. NXB Tổng hợp Hậu Giang.
- Võ Thị Ngọc Kiều (2018). Một số biện pháp đưa hát ru Khmer Nam Bộ vào các trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh Trà Vinh. *Tạp chí Giáo dục*, 443, 37-41; 53.
- Xiong, T. (2021). *Engaging Hmong learners with oral storytelling and flipgrid*. Master of Arts in Teaching, Hamline University, Saint Paul, Minnesota.